

Bản án số: 1354/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 9 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Châu Thị Lê

Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Duy Bảo Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 842/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 584/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 552/2024/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị Tuyết N, sinh năm 1973 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trần Anh D, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 58/2 (số cũ 69/2A) đường T, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 6 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Dương Thị Tuyết N trình bày:

Bà và ông Trần Anh D chung sống với nhau vào năm 1995 trên cơ sở tự nguyện; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyền số 04 KH ngày 07/6/1995. Quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông D không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến vợ con, vì

con bà đã cố gắng rất nhiều để vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả, cuộc sống chung không hạnh phúc nên đã sống ly thân từ năm 2011. Nay bà xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đề nghị Toà giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung đã trưởng thành tên Trần Thị Diễm N, sinh ngày 06/5/1996 và Trần Thị Diễm T, sinh ngày 10/5/2005.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngày 20/8/2024 nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo; đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ “Ly hôn”. Do bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 26, quyển số 04 KH do Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre cấp ngày 07/6/1995, xác định hôn

nhân giữa bà Dương Thị Tuyết N và ông Trần Anh D là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân nguyên đơn xin ly hôn là do bất đồng quan điểm, ông D không quan tâm đến gia đình, thời gian sống ly thân đã lâu. Tuy kết quả xác minh tại địa phương thể hiện “bà Dương Thị Tuyết N và ông Trần Anh D có đời sống hôn nhân khép kín, do đó không xác minh được mâu thuẫn” nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã triệu tập các bên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn nhưng phía bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không đến Tòa để giải quyết những mâu thuẫn, vướng mắt trong cuộc sống vợ chồng, như vậy chứng tỏ bản thân bị đơn không quan tâm đến cuộc hôn nhân này nên không có thiện chí muốn hàn gắn lại quan hệ vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình yêu thương giữa hai vợ chồng, phải cùng quan tâm, chia sẻ và chăm sóc lẫn nhau, thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã lâu nhưng cả hai không có hướng khắc phục, giải quyết, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn. Từ những phân tích trên cho thấy cuộc sống vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn hoàn toàn không hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không có. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ vào bản sao các Giấy khai sinh số 110/KS/96 và số 90/KS/2005 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre và lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên đã trưởng thành tên Trần Thị Diễm N, sinh ngày 06/5/1996 và Trần Thị Diễm T, sinh ngày 10/5/2005.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 54, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Tuyết N được ly hôn với ông Trần Anh D (Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 04 KH do Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre cấp ngày 07/6/1995 hết hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên đã trưởng thành tên Trần Thị Diễm N, sinh ngày 06/5/1996 và Trần Thị Diễm T, sinh ngày 10/5/2005.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Dương Thị Tuyết N phải chịu, được căn trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014102 ngày 01/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.GV;
- Chi cục THADS Q.GV;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Trần Thúy Duyên